TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2273/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1005/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5146/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1967

Địa chỉ: A Cây Keo, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1976

Thường trú: A Cây Keo, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn Ông Đỗ Ngọc H trình bày các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà T tiến tới hôn nhân vào năm 2008 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) có tổ chức kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Hiện hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, bản thân ông xác định tình cảm không còn, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Hoàng T Vy, sinh ngày 01/3/2009, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: ông Hiệp xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: ông Hiệp xác định không có.

* Bị đơn bà Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với bà Trần Thanh T căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà T cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 556/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức cấp ngày 04/11/2020 và lời trình bày của nguyên đơn về quá trình hôn nhân giữa ông và bà T có cơ sở xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ văn bản số 2127/LĐTB ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình; Căn cứ lời trình bày của đương sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T đã được tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức không muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 101, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức cấp ngày 15/4/2009 và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định quá trình sống chung của ông bà có 01 con chung tên Đỗ Hoàng T Vy sinh ngày 01/3/2009.

Xét yêu cầu của ông H về việc giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ tên Đỗ Hoàng T Vy hiện đang sống ổn định cùng bà T từ năm 2018 cho đến nay và phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Xét nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con của ông H là vì sự phát triển và quyền lợi của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng như ông H đề nghị là hợp lý. Do vậy yêu cầu này cũng được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về nợ chung: ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về án phí: ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H về việc "*Tranh chấp ly hôn*" với bà Trần Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thanh T;

- Về con chung: Giao người con chung tên Đỗ Hoàng T Vy sinh ngày 01/3/2009 cho bà Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Ngọc H về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, việc thực hiện từ ngày 01/12/2021.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng;

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có.

2-/ Về án phí: Ông Đỗ Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0057870 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Ông H còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3-/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng